TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2026.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hùng Phong.

Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lâm Thị Mỹ Y, sinh ngày 21/7/2003 (có đơn xin vắng).

Số căn cước công dân:

Địa chỉ: Số nhà 300, ấp S, xã L, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Thạch T, sinh ngày 01/01/1997 (vắng mặt).

Số căn cước công dân:

Địa chỉ: ấp X, xã L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ Y trình bày: Bà và ông Thạch T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93/2023 ngày 17/7/2023. Cuộc sống hôn nhân ban đầu êm đềm, hạnh phúc nhưng theo thời gian giữa bà và ông T phát sinh càng nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống cũng như suy nghĩ về gia đình, mất dần sự thấu hiểu, không tìm được tiếng nói chung và mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, kéo dài và không thể giải quyết. Giữa bà và ông T không thể hàn gắn, bà yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Thạch T.

Về con chung: Giữa bà và ông T có một người con chung tên Thạch Lâm Ngọc Q, sinh ngày 05/10/2021 đang sống với ông T. Bà đồng ý giao con cho ông T nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Bị đơn ông Thạch T vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét bà Y yêu cầu ly hôn, Tòa án đã thông báo cho ông T biết và ông T không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Y, không đến tham gia phiên hòa giải đã chứng minh mâu thuẫn của hai người trầm trọng không thể hàn gắn, nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Y được ly hôn với ông T. Đối với con chung Thạch Lâm Ngọc Q, theo bà Y thì con đang sống với ông T và bà Y đồng ý giao con chung, đồng ý cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, buộc bà Y có nghĩa vụ cấp dưỡng như đề nghị. Các vấn đề về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu, đề nghị không xem xét. Về án phí buộc bà Y phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Y khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Lộc, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Y và ông T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã Phú Lộc, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, bà Y có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên giữa bà Y và ông T không còn sống chung với nhau, ông T đã được thông báo về việc bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, được triệu tập hòa giải nhưng không có mặt, không có văn bản trình bày ý

kiến đã cho thấy quan hệ giữa bà Y và ông T đã trầm trọng không thể hàn gắn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà Y và ông T có một người con chung tên Thạch Lâm Ngọc Q (nữ), sinh ngày 05/10/2021 đang sống với ông T. Xét bà Y yêu cầu giao cho ông T nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông T không có ý kiến và yêu cầu khác về việc nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y giao con chung cho ông T nuôi dưỡng và bà Y có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo mức đề nghị là đúng quy định. Đồng thời, bà Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Mỹ Y được ly hôn với ông Thạch T.

2. Về con chung: Giao cho ông Thạch T được nuôi dưỡng con chung tên Thạch Lâm Ngọc Q (nữ), sinh ngày 05/10/2021 đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Lâm Thị Mỹ Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Buộc bà Lâm Thị Mỹ Y có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Thạch Lâm Ngọc Q, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/12/2025 đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Bà Lâm Thị Mỹ Y phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010370 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà Lâm Thị Mỹ Y còn phải nộp là 300.000 đồng.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phú Lộc, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai